TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **602**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Võ Thanh Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 231/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định hoãn phiên tòa số 541/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 542/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc M, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Hữu Công, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc M trình bày: Bà và ông Huỳnh Hữu C tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/5/1988. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng năm 2010, bà và ông C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do ông C quen người khác dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông C

say xỉn về là gây gỗ, không phụ giúp nuôi con. Mặc dù, bà đã nhiều lần tìm cách hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau, nhưng mâu thuẫn càng trầm trọng. Đến khoảng cuối năm 2010, giữa bà và ông C không còn quan tâm, chăm sóc và không chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Hiện nay, bà M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Hữu C.

- Về con chung: Bà M và ông C chung sống với nhau có 03 con chung tên là Huỳnh Hữu H, sinh ngày 07/10/1988, Huỳnh Hữu L, sinh ngày 27/02/1991 và Huỳnh Thị Ngọc D, sinh ngày 22/4/2005. Con chung tên Huỳnh Hữu H và Huỳnh Hữu L đã trưởng thành. Hiện nay, bà M là người đang trực tiếp chăm sóc trẻ D, nên bà M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ D. Việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Huỳnh Hữu Công: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Công để tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng ông C vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Bà Bùi Thị Ngọc M có đơn xin vắng mặt. Ông Huỳnh Hữu C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Bùi Thị Ngọc M; Về con chung: Giao con chung là Huỳnh Thị Ngọc D cho bà M nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết; Tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét hôn nhân giữa bà Bùi Thị Ngọc M và ông Huỳnh Hữu C đã được Ủy ban nhân dân phường 6, Quận 4 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 190/1988 do UBND phường 6, Quận 4 cấp ngày 20/5/1988 (theo Trích lục kết hôn số 200/TLKH-BS ngày 17/5/2019). Bà M yêu cầu ly hôn với ông C, nên có đủ cơ sở xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn. Hiện nay, ông Huỳnh Hữu C đang cư trú tại Quận 4, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự: Bà Bùi Thị Ngọc M có đơn xin vắng mặt và ông Huỳnh Hữu C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 200/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/5/2019, cùng lời khai của bà Bùi Thị Ngọc M về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Bùi Thị Ngọc M và ông Huỳnh Hữu C là hôn nhân hợp pháp.

Nay bà Bùi Thị Ngọc M yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Hữu C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa bà M và ông C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hai bên đã không còn quan tâm và chia sẽ với nhau trong cuộc sống từ năm cuối năm 2016 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập ông C tham gia tố tụng nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho ông C và bà M cùng nhau khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông C không còn tha thiết gì cuộc hôn nhân này, không có thiện chí đoàn tụ và tiếp tục chung sống với bà Mai. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong quá trình chung sống tại địa phương, có lần ông C nhậu say về cải vã trong gia đình.

Xét hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Đây là quyền và nghĩa vụ vợ chồng đã được pháp luật ghi nhận. Đối chiếu với cuộc sống hôn nhân giữa bà M và ông C, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông C không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân này không có điều kiện xây dựng vun đắp lại tình cảm. Do đó, bà M yêu cầu ly hôn với ông C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ vào các Giấy khai sinh số 038, ngày 05/3/1991, số 604 ngày 10/10/1988 của Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 4 và Giấy khai sinh số 062, ngày 05/5/2005 của Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 4 có đủ cơ sở xác định bà M, ông C chung sống với nhau có 03 con chung tên là Huỳnh Hữu H, sinh ngày 07/10/1988, Huỳnh Hữu L, sinh ngày 27/02/1991 và Huỳnh Thị Ngọc D, sinh ngày 22/4/2005. Con chung tên Huỳnh Hữu H và Huỳnh Hữu L đã trưởng thành. Bà M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ D và tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét hiện nay bà M đang trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng trẻ D và theo nguyện vọng của trẻ D cũng mong muốn được ở với bà M, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là Huỳnh Thị Ngọc D, sinh ngày 22/4/2005 cho bà M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trẻ thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M khai nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị Ngọc M khai nhận không có, nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Ngọc M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ngọc M về việc xin ly hôn với ông Huỳnh Hữu C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc M được ly hôn với ông Huỳnh Hữu C (theo Trích lục kết hôn số 200/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/5/2019).

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thị Ngọc D, sinh ngày 22/4/2005 cho bà Bùi Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trẻ thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Ông Huỳnh Hữu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông C không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà M khai nhận không có, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Ngọc M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0024249 ngày 17/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- UBND Phường 6, Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Trần Hồng Loan